

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2510 /TCT-CS

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2016

V/v chính sách thuế đối với Nhà  
thầu nước ngoài.

Kính gửi: Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam.  
(Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu)

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 12-2016/SITV ngày 23/3/2016 của Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (sau đây gọi là Công ty SITV) đề nghị hướng dẫn về thuế GTGT, thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài đối với phí bảo lãnh tiền vay. Tại công văn số 12-2016/SITV nêu trên không hỏi cụ thể cho Hợp đồng nhà thầu nào và cũng không gửi kèm Hợp đồng, vì vậy Tổng cục Thuế trả lời theo nguyên tắc sau:

1. Về thuế TNDN đối với phí bảo lãnh tiền vay

Tại điểm 2.3 Khoản 2 Mục I Phần B Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008; khoản 3 Điều 7 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012; khoản 3 Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nghĩa vụ thuế của Nhà thầu nước ngoài quy định về lãi tiền vay:

“- Thu nhập từ Lãi tiền vay: là thu nhập của Bên cho vay từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng thế chấp, người cho vay có hay không được quyền hưởng lợi tức của người đi vay; thu nhập từ lãi tiền gửi (trừ lãi tiền gửi của các cá nhân người nước ngoài và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi để duy trì hoạt động tại Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam), kể cả các khoản thưởng đi kèm lãi tiền gửi (nếu có); thu nhập từ lãi trả chậm theo qui định của các hợp đồng.

Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà Bên Việt Nam phải trả theo qui định của hợp đồng vay.”

Căn cứ điểm 2 Mục 1 Phần B Thông tư số 134/2008/TT-BTC, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 60/2012/TT-BTC, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC hướng dẫn về thu nhập chịu thuế TNDN; căn cứ điểm 3.2 Mục III Phần B Thông tư số 134/2008/TT-BTC, Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 60/2012/TT-BTC, Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC hướng dẫn về tỷ lệ % thuế TNDN áp dụng đối với dịch vụ.

Căn cứ các quy định nêu trên thì nghĩa vụ thuế TNDN đối với khoản phí bảo lãnh tiền vay được xác định như sau:

- Trường hợp Bên Việt Nam ký hợp đồng vay vốn với Nhà thầu nước ngoài mà theo quy định tại Hợp đồng vay có bao gồm khoản phí bảo lãnh tiền vay phải trả cho Nhà thầu nước ngoài, thì khoản phí bảo lãnh này là thu nhập chịu thuế TNDN đối với Lãi tiền vay theo quy định.

Về việc áp dụng tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu tính thuế đối với lãi tiền vay cho giai đoạn trước ngày 1/3/2012 và giai đoạn kể từ ngày 1/3/2012, Tổng cục Thuế đã ban hành công văn số 3929/TCT-CS ngày 08/11/2012 hướng dẫn Cục thuế các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương về vấn đề này. Đề nghị Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam liên hệ với Cục thuế Bà Rịa- Vũng Tàu để được hướng dẫn cụ thể.

- Trường hợp Bên Việt Nam ký Hợp đồng bảo lãnh với Nhà thầu nước ngoài để vay vốn ngân hàng (khoản phí bảo lãnh này thuộc Hợp đồng bảo lãnh tiền vay, không nằm trong Hợp đồng vay với bên cho vay) thì phí bảo lãnh là thu nhập từ cung cấp dịch vụ theo quy định.

## 2. Về thuế GTGT đối với phí bảo lãnh tiền vay

Tại khoản 14 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 quy định: “14. *Cấp tín dụng* là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác”.

Tại Điểm 8a Mục II Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 về thuế GTGT hướng dẫn về đối tượng không chịu thuế GTGT đối với: “a) Dịch vụ cấp tín dụng gồm các hình thức: cho vay; chiết khấu và tái chiết khấu công cụ chuyên nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật do các tổ chức tài chính, tín dụng tại Việt Nam cung ứng.”

Tại Điều 2 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN ngày 26/6/2006 quy định về bảo lãnh Ngân hàng; Điều 3 Thông tư số 28/2012/TT-NHNN ngày 3/10/2012 của Ngân hàng Nhà nước quy định về bảo lãnh ngân hàng:

“1. “Bảo lãnh ngân hàng”: Là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên bảo lãnh cam kết bằng văn bản với bên nhận bảo lãnh sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh; Bên được bảo lãnh phải nhận nợ và hoàn trả cho bên bảo lãnh theo thỏa thuận.

2. Bên bảo lãnh là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh.

3. Bên được bảo lãnh là tổ chức (bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân là người cư trú và tổ chức là người không cư trú được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bảo lãnh.”

Căn cứ các quy định trên, chính sách thuế GTGT đối với phí bảo lãnh tiền vay thực hiện như sau:

- Trường hợp Bên Việt Nam ký hợp đồng vay vốn với Nhà thầu nước ngoài có phát sinh một khoản phí bảo lãnh tiền vay phải trả cho Nhà thầu nước ngoài, nếu phí bảo lãnh tiền vay thuộc bảo lãnh ngân hàng là một hình thức cấp tín dụng theo quy định thì phí bảo lãnh tiền vay thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Trường hợp Bên Việt Nam ký hợp đồng vay vốn với Nhà thầu nước ngoài có phát sinh một khoản phí bảo lãnh tiền vay phải trả cho Nhà thầu nước ngoài, nếu phí bảo lãnh tiền vay không thuộc bảo lãnh ngân hàng theo quy định (bên bảo lãnh không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) thì phí bảo lãnh tiền vay không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA biết và liên hệ với Cục Thuế Bà Rịa- Vũng Tàu để được hướng dẫn giải quyết cho từng trường hợp cụ thể. /.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ PC, CST, TCNH -BTC;
- Vụ PC -TCT;
- Cục thuế Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Website TCT;
- Lưu: VT, CS(2b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Cao Anh Tuấn**

www.LuatVietnam.vn